

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-PT  
Ngày 27-10-2020  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Đặng Minh Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 tháng 11 năm 2019 và ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp thừa kế tài sản (chia di sản thừa kế theo di chúc).

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3907/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 275/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số 188B Đường C, phường D, quận A, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Canada; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang E - Luật sư Văn phòng luật sư G - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa ngày 01/11/2019. Tại phiên tòa ngày 27/10/2020, ông B từ chối mời luật sư nên Luật sư Nguyễn Quang E không tiếp tục tham gia phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Quốc H, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số 179 đường I, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng, có mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông Nguyễn Tiến K và bà Vũ Thị Hồng L - Đều là Luật sư Công ty luật hợp danh M thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; ông Nguyễn Tiến K vắng mặt; bà Vũ Thị Hồng L có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 179 phường I, quận A, thành phố Hải Phòng, có mặt;

2. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1947; nơi cư trú: Số 2/154/73 Hàng Kênh, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện hợp pháp*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 179B đường Y, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/01/2019), có mặt tại phiên tòa ngày 01/11/2019. Ngày 28/9/2020 bà P chết. Ông Nguyễn Văn O vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/10/2020;

3. Ông Nguyễn Văn Q; nơi cư trú: Xã Hồng R, huyện S, thành phố Hà Nội (đã chết năm 2006, có vợ là bà Hà Thị T - theo lời khai của ông Nguyễn Văn U);

4. Ông Nguyễn Kim V, sinh năm 1956; (chưa xác định được địa chỉ cụ thể);

5. Bà Nguyễn Thị X (chưa xác định được địa chỉ cụ thể);

6. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 179B đường Y, quận A, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện hợp pháp*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 179B phường I, quận A, thành phố Hải Phòng (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/01/2019), có mặt tại phiên tòa ngày 01/11/2019. Ngày 28/9/2020 bà P chết. Ông Nguyễn Văn U có mặt tại phiên tòa ngày 27/10/2020;

7. Bà Nguyễn Thị P; sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 179B đường Y, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng (đã chết ngày 28/9/2020);

*Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P*:

7.1. Ông Đỗ Văn A', sinh năm 1958; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

7.2. Anh Đỗ Tuấn B', sinh năm 2000; có mặt thời điểm đầu phiên tòa, sau đó đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

7.3. Anh Đỗ Tuấn C', sinh năm 2001; vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Số 179B đường Y, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng;

8. Cụ Phạm Thị D'; nơi cư trú: Thôn E', xã G', huyện H', thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

9. Bà Hà Thị T (vợ ông Nguyễn Văn Q); nơi cư trú: Xã Hồng R, huyện S, thành phố Hà Nội, vắng mặt;

10. Cụ Phạm Thị I' (vợ cụ K'); nơi cư trú: Thôn E', xã G', huyện H', thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

11. Bà Lê Thị L' (vợ ông M'); nơi cư trú: Số 4/239 đường N', quận A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

12. Đình E', huyện H', thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện:* Ông Phạm Duy O'; nơi cư trú: Thôn E', xã G', huyện H', thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

13. Chùa E', huyện H', thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện:* Bà Nguyễn Thị P'; nơi cư trú: Đội 6, Thôn E' 2, xã G', huyện H', thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

14. Nhà thờ Q', thành phố Hải Phòng (bên ngoài);

*Người đại diện:* Ông Đặng Đình R'; nơi cư trú: Số 152/147 đường Q', phường S', quận A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

15. Nhà thờ T';

*Người đại diện:* Ông Đặng Đình U'; nơi cư trú: Số 29/33 đường X', phường S', quận A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

16. Nhà thờ V';

17. Nhà thờ Y', thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện:* Bà Vũ Minh A''; nơi cư trú: Thôn E', xã G', huyện H', thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

18. Hội người cao tuổi phường I, quận A, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện:* Ông Phạm Quốc B''; nơi cư trú: Số 134 đường I, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

19. Ủy ban nhân dân phường I, quận A, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện:* Bà Nguyễn Thị Vân C'' - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường I, quận A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Phạm Văn B là nguyên đơn;

2. Anh Phạm Quốc H là bị đơn;

3. Bà Đoàn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

4. Bà Nguyễn Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26/01/2018, Biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2018 và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày:*

Cụ Phạm Văn D'' là chú ruột của ông B. Cụ D'' và cụ Đặng Thị E'' có quan hệ là vợ chồng. Quá trình chung sống cụ D'' và cụ E'' không có con chung, không ai có con riêng. Do không có con nên năm 1973, cụ D'' và cụ E'' nhận con nuôi và đặt tên là Phạm Văn G''. Cụ D'' và cụ E'' làm giấy khai sinh cho ông G'', sinh ngày 17/11/1973, tên người cha là cụ Phạm Văn D'', tên người mẹ là cụ Đặng Thị E''. Sau này ông G'' kết hôn với bà Đoàn Thị N sinh được một con chung là anh Phạm Quốc H. Đến năm 2001, ông G'' chết. Năm 2003, cụ D'' chết. Năm 2017, cụ E'' chết.

Sau khi lấy nhau, cụ D'' và cụ E'' chung sống tại ngôi nhà số 179 đường I, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của hai cụ cho đến khi chết. Ngôi nhà này đã được Sở Xây dựng Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất số 2321CNSH bằng khoán 72 Lạch Tray A ngày 19/3/1992 mang tên chủ sở hữu ông Phạm Văn D'' và vợ là Đặng Thị E'', có diện tích là 57m<sup>2</sup> hiện xây 03 tầng có trị giá khoảng 3.500.000.000 đồng và 01 căn nhà số 179B đường Y, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng có diện tích 20,2m<sup>2</sup> là nhà một tầng, mái ngói, tường gạch nền láng xi măng có trị giá khoảng 1.500.000.000 đồng. Ông G'' sinh sống cùng cụ D'' và cụ E'' tại đó. Sau khi kết hôn với bà N vợ chồng ông G'', bà N cũng sinh sống tại ngôi nhà này. Cụ D'' chết không để lại di chúc, còn cụ E'' trước khi chết đã lập Di chúc tại Văn phòng Công chứng H'' ngày 04/02/2017, định đoạt cho ông B được hưởng phần tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ E'' với 02 tài sản nêu trên. Do cụ D'' và cụ E'' không có con chung nên khi các cụ còn sống cũng như bệnh tật, ông B có trách nhiệm thăm nom, chăm sóc. Khi cụ E'' qua đời, ông B đã cùng với bà N lo tang lễ cho cụ E''. Sau khi cụ E'' chết, mẹ con bà N và anh H vẫn quản lý, sử dụng nhà, đất tại số 179 đường I, quận A, thành phố Hải Phòng. Ông B đã nhiều lần gặp gỡ bà N để trao đổi, đề nghị bà N thực hiện di chúc của cụ E'', thậm chí đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hòa giải nhưng bà N không hợp tác. Do vậy, ông B làm Đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ E'' theo di chúc. Ông B có nguyện vọng được thừa hưởng di sản thừa kế theo di chúc đồng thời thực hiện trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho đồng thừa và thực hiện các nghĩa vụ đã nêu tại di chúc. Đối với khoản tiền 200.000.000 đồng, ông B nhận của bà Hà (là con gái của cụ I'' bạn của cụ E'') bằng hình thức chuyển khoản để lo tang lễ cho cụ E''. Số tiền này không phải là của cụ E''.

*Tại văn bản ngày 21/11/2018; ngày 19/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn - anh Phạm Quốc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đoàn Thị N trình bày:*

Bà N là mẹ đẻ của anh Phạm Quốc H. Trước khi có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của ông B, bà N đề nghị ông B phải bàn giao cho mẹ con bà N bản di chúc gốc của cụ E''. Ông B phải trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng của cụ E'' để lo hậu sự cho cụ E''. Đề nghị ông B giải trình số tiền hơn 06 tỷ đồng đã nhận từ cụ E'' để làm vốn kinh doanh nhà, đất. Nếu ông B không thực hiện những đề nghị này thì bà N và anh H không nhận bất kỳ văn bản nào của Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của ông B.

*Tại Đơn đề nghị nhận ngày 10/01/201; Biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Ông bà ngoại của bà P là cố Đặng Đình K'' và cố Nguyễn Thị L'' sinh được 04 người con là cụ Đặng Đình M'' (đã chết, không có vợ con), cụ Đặng Thị N'' (chết năm 1972), cụ Đặng Thị O'' (không có chồng con) và cụ Đặng Thị E''. Cụ Đặng Thị N'' là mẹ đẻ của bà P. Sau khi cố K'' và cố L'' chết có để lại di sản là nhà, đất tại số 79/163 đường I, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng. Tại Biên bản giải quyết việc tranh chấp đất đai ngày 18/11/1983 đối với nhà, đất số 79 ngõ 163 đường I lập tại Ủy ban nhân dân phường I có nội dung: Do cụ M'' chết không có vợ, con nên bất động sản này được chia đều cho cụ N'', cụ O'' và cụ E'' mỗi người được hưởng phần diện tích đất là 30,6m<sup>2</sup>. Năm 1985, cụ O'' đã đổi cho cụ E'' phần diện tích đất được hưởng thừa kế để lấy phần diện tích đất 20,2m<sup>2</sup> mặt đường I nay là nhà số 179B đường Y. Cụ Đặng Thị O'' sinh sống tại đó cho đến khi chết (ngày 09/7/2007). Nhà đất tại số 179B đường Y chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tại hồ sơ quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân phường I đã ghi nhận nhà đất này là của cụ Đặng Thị O''. Tại Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân phường I thể hiện: "Thửa đất tại số nhà 179B đường Y, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng thuộc thửa đất số 701, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính phường năm 2002, diện tích 20,2m<sup>2</sup>, tên chủ sử dụng đất là cụ Đặng Thị O''". Cụ O'' không có chồng con, chỉ có các cháu chăm sóc. Nhà số 179B đường Y là tài sản của cụ O'' nhưng cụ E'' lại lập di chúc định đoạt nhà đất số 179B đường Y cho người khác nên bà P đề nghị Tòa án tuyên bố nội dung phần di chúc do cụ E'' lập đối với nhà, đất tại số 179B đường Y vô hiệu đồng thời đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế này cho những người thừa kế hợp pháp của cụ Đặng Thị O''. Nhưng sau đó bà P lại trình bày: Bố mẹ đẻ của bà P là cụ Nguyễn Văn Trâm (chết năm 1982) và cụ Đặng Thị N'' sinh được 06 người con là ông Nguyễn Văn O, ông Nguyễn Văn Q (đã chết năm 2006), ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị P. Do điều kiện kinh tế của gia đình bà P khó khăn nên bố mẹ đẻ của bà P đã gửi ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị X cho cụ E'' nuôi dưỡng nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi. Bà

P không biết hiện hai người này sinh sống tại địa chỉ nào. Bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B và đề nghị Tòa án giải quyết để lại căn nhà tại số 179B đường Y làm nơi thờ cúng.

*Tại Văn bản ngày 06/4/2018, ngày 09/4/2018, ngày 10/4/2018; Vi bằng được lập vào ngày 10/4/2018, ngày 14/4/2018 - những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là những người được nhận một khoản tiền nhất định căn cứ vào Di chúc cụ E'' lập ngày 04/02/2017), cụ thể:*

Bà Hà Thị T là vợ ông Phạm Văn Q; Nhà thờ Q' (bên ngoài); Nhà thờ T' (Đặng Đình U'); bà Phạm Thị D'; Chùa E', Kiến Thụy; Đình E', Kiến Thụy; cụ Phạm Thị I' (vợ cụ K'); Ủy ban nhân dân phường I; Hội người cao tuổi phường I; bà L' (vợ ông M'); Nhà thờ V'; Nhà thờ Y'. Những cá nhân và tổ chức nêu trên xác nhận đã nhận đủ số tiền theo di chúc do cụ E'' lập từ ông B nên đề nghị Tòa án không triệu tập họ tham gia tố tụng trong vụ án.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào Điều 634, Điều 646, Điều 648, Điều 649, Điều Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 657, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677, Điều 678 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị E'' theo di chúc: Xác định di sản thừa kế của cụ Đặng Thị E'' gồm  $\frac{3}{4}$  giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 179 đường I, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng thành tiền bằng 2.625.000.000 đồng và  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà, đất tại địa chỉ số 179B đường Y, quận A, thành phố Hải Phòng thành tiền bằng 750.000.000 đồng. Ông Phạm Văn B có quyền thừa kế toàn bộ khối di sản trên và có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế khác, số tiền cụ thể là: Anh Phạm Quốc H được nhận số tiền là 400.000.000 đồng; vợ chồng ông Nguyễn Văn O được nhận số tiền là 100.000.000 đồng; cụ Phạm Thị D' được nhận số tiền là 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị X được nhận số tiền là 200.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị P được nhận số tiền 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn U được nhận số tiền là 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn V (tức Nguyễn Kim V) được nhận số tiền là 20.000.000 đồng; bà T (vợ ông Phạm Văn Q) được nhận số tiền là 30.000.000 đồng; cụ Phạm Thị I' (vợ cụ K') được nhận số tiền là 10.000.000 đồng, bà L' (vợ ông M') được nhận số tiền: 10.000.000 đồng. Ủng hộ các tổ chức sau: Đình E', Kiến Thụy, Hải Phòng: 30.000.000 đồng; Chùa E', Kiến Thụy, Hải Phòng: 10.000.000 đồng; Nhà thờ Q', Hải Phòng (bên ngoài): 30.000.000 đồng; Nhà thờ T': 20.000.000 đồng; Nhà thờ V': 5.000.000 đồng; Nhà thờ Y', Hải Phòng: 5.000.000 đồng; Ủy ban nhân dân phường I, quận A, Hải Phòng: 15.000.000 đồng; Hội người cao tuổi phường I, quận A, Hải Phòng: 10.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với

những người được hưởng thừa kế theo di chúc bao gồm: Cụ Phạm Thị D'; bà T (vợ ông Chử); cụ Phạm Thị I' (vợ cụ K'); bà L' (vợ ông M'); Đình E', Kiến Thụy, Hải Phòng; Chùa E', Kiến Thụy, Hải Phòng; Nhà thờ Q', Hải Phòng (bên ngoài); Nhà thờ T'; Nhà thờ V'; Nhà thờ Y'; Ủy ban nhân dân phường I và Hội người cao tuổi phường I, quận A, thành phố Hải Phòng.

Phân chia như sau: Giao cho ông Phạm Văn B được quyền sở hữu và sử dụng đối với ngôi nhà 03 tầng có diện tích là 52,3m<sup>2</sup> tọa lạc tại thửa đất số 664, tờ bản đồ số 06 địa chỉ số 179 đường I, quận A, Hải Phòng với diện tích đất là 57m<sup>2</sup> (Theo trích đo hồ sơ kỹ thuật thửa đất phường I năm 2002).

Ông Phạm Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Quốc H: 525.000.000 đồng; vợ chồng ông Nguyễn Văn O: 100.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị X: 200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị P 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn U: 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn V (Nguyễn Kim V): 20.000.000 đồng. Hiện chưa xác định được địa chỉ của bà Nguyễn Thị X nên ông B phải thực hiện nghĩa vụ khi bà X có yêu cầu.

Giao cho anh Phạm Quốc H được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà một tầng diện tích 20,2m<sup>2</sup> số 179B đường Y tọa lạc tại thửa đất số 701, tờ bản đồ số 06. (Theo trích đo hồ sơ kỹ thuật thửa đất phường I năm 2002). Anh Phạm Quốc H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn V (Nguyễn Kim V), Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn O, Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị P mỗi người 125.000.000 đồng. Tạm giao phần di sản của ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị X được hưởng cho bà Nguyễn Thị P quản lý.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2019, nguyên đơn ông Phạm Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do đề nghị xác định lại quyền ông B được hưởng thừa kế theo di chúc là toàn bộ ngôi nhà số 179B đường Y, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng. Ngày 26/4/2019, bà Đoàn Thị N, bà Nguyễn Thị P và ngày 03/5/2019 anh Phạm Quốc H - bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án với lý do bản án đã phản ánh không đúng thực tế, đánh giá di sản thừa kế không đúng với hiện trạng tài sản thực tế. Ngày 26/4/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng đã kháng nghị một phần đối với bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định cụ E'' được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của cụ O'', những người con của cụ N'' không được hưởng di sản thừa kế của cụ O'' vì họ không phải là người được hưởng thừa kế thế vị phần của cụ N'' đối với di sản thừa kế của cụ O''.

Tại giai đoạn phúc thẩm anh Phạm Quốc H, bà Đoàn Thị N, bà Nguyễn Thị P có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; tiến hành định giá tài sản đang tranh chấp và giám định chữ ký, chữ viết: "*E - Đặng Thị E'*"; dòng chữ "*nội*

*dung di chung như trên phù hợp với ý nguyện của tôi” cũng như dấu vân tay của cụ Đặng Thị E” tại bản Di chúc được lập ngày 04/02/2017.*

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn – ông B vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn – anh H giữ nguyên lời trình bày và quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà N giữ nguyên nội dung kháng cáo, lời trình bày, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà P (phiên tòa ngày 01/11/2019) giữ nguyên nội dung kháng cáo, lời trình bày, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà P – anh B’ có mặt thời điểm đầu phiên tòa ngày 27/10/2020 trình bày: Quan điểm của anh B’ thống nhất với quan điểm của bà N, anh H và ông U. Quan điểm của anh B’ cũng thống nhất với quan điểm của ông A’ và anh C’. Sau đó anh B’ xin phép không tiếp tục phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông U xác nhận hiện đang sinh sống cùng vợ chồng ông A’, bà P tại số 179B đường Y. Ông U trình bày ông Chử (đã chết năm 2006, vợ của ông Chử là bà Hà Thị T). Ông U và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà P thống nhất với quan điểm của bà N, anh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất với quan điểm của bị đơn và phát biểu: Ông Phạm Văn G” mua diện tích đất 40m<sup>2</sup> nhà số 179 đường I của cụ Đặng Đình Khang vào năm 1989 nên Sở Xây dựng Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất số 2321CNSH bằng khoán 72 Lạch Tray A ngày 19/3/1992 mang tên chủ sở hữu ông Phạm Văn D” và vợ là Đặng Thị E” là không đúng cần phải thu hồi bằng khoán này. Bản di chúc do cụ E” lập ngày 04/02/2017 là không hợp pháp vì được lập trong tình trạng cụ E” bị ốm nên đề nghị Tòa án xác định bản di chúc vô hiệu.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo, kháng nghị: Có căn cứ để xác định bản di chúc do cụ Đặng Thị E” lập ngày 04/02/2017 tại Văn phòng Công chứng H” là hợp pháp. Tuy nhiên, nội dung định đoạt di sản trong di chúc có phần không phù hợp với hiện trạng di sản trên thực tế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử tuyên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận



A; chấp nhận kháng cáo của ông B; chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, bà N; không chấp nhận kháng cáo của bà P, chia cho ông Phạm Văn B được hưởng phần di sản thừa kế mà cụ E'' đã định đoạt trong di chúc phù hợp với hiện trạng của di sản và ông B phải thực hiện các nghĩa vụ mà di chúc đã chỉ định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **- Về tố tụng:**

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về thừa kế tài sản (chia di sản thừa kế theo di chúc). Do vụ án có kháng cáo, kháng nghị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng - quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị T (vợ ông Phạm Văn Q); Nhà thờ Q' (bên ngoại); Nhà thờ T' (Đặng Đình U'); bà Phạm Thị D'; Chùa E', Kiến Thụy; Đình E', Kiến Thụy; cụ Phạm Thị I' (vợ cụ K'); Ủy ban nhân dân phường I; Hội người cao tuổi phường I; bà L' (vợ ông M'); Nhà thờ V'; Nhà thờ Y' vắng mặt và đề nghị Tòa không triệu tập họ tham gia tố tụng trong vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn – ông B và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà P vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn V (Nguyễn Kim V), bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn Q vắng mặt do không xác định được địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đăng tin thông báo cho các đương sự tại 03 số báo Công lý liên tiếp ra các ngày 29 tháng 6 và ngày 04,06 tháng 7 năm 2018. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **- Về thời hiệu khởi kiện:**

[3] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế: Cụ Phạm Văn D'', chết ngày 20/4/2003; cụ Đặng Thị E'' chết ngày 27/8/2017 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 còn thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế.

#### **- Về pháp luật áp dụng:**

[4] Cụ Đặng Thị E'' lập Di chúc ngày 04/02/2017, nay có yêu cầu về chia di sản thừa kế theo di chúc do cụ E'' lập thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà N, bà P) và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng:

[5] Về quan hệ thừa kế: Cụ Phạm Văn D'' và cụ Đặng Thị E'' có quan hệ là vợ chồng. Quá trình chung sống, cụ E'', cụ D'' không có con chung nên năm 1973, hai cụ đã nhận con nuôi là ông Phạm Văn G''; đã làm Giấy khai sinh cho ông G''

sinh ngày 17 tháng 11 năm 1973 với tên người cha là Phạm Văn D'' và tên người mẹ là Đặng Thị E''. Năm 1997, ông Phạm Văn G'' kết hôn với bà Đoàn Thị N. Ông G'', bà N có một người con chung là anh Phạm Quốc H sinh năm 2000. Ngày 09/11/2001, ông G'' chết. Ngày 20/4/2003, cụ D'' chết. Ngày 27/8/2017, cụ E'' chết. Cụ D'', ông G'' chết đều không để lại di chúc.

[5.1] Cụ Đặng Thị E'' là di ruột của bà Nguyễn Thị P. Bồ mẹ đẻ của cụ E'' là cô Đặng Đình K'' và cô Nguyễn Thị L'' (tức Hợp Nhón) sinh được 04 người con gồm: Cụ Đặng Đình M'' (mất trí, không có vợ con, đã chết không xác định được thời điểm), cụ Đặng Thị N'' (chết năm 1972), cụ Đặng Thị O'' (chết năm 2007) và cụ Đặng Thị E''. Cụ N'' kết hôn với cụ Nguyễn Văn Trâm (đã chết 1982) sinh được 06 người con là ông Nguyễn Văn O, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Kim V, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị P.

[5.2] Ông Phạm Văn B là cháu ruột của cụ Phạm Văn D'', gọi cụ D'' là chú ruột.

[6] Theo Di chúc do cụ Đặng Thị E'' lập ngày 04/02/2017, số công chứng: 0208.NQH/2017.DC quyền số: 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng H'' thành phố Hải Phòng thì 02 bất động sản được cụ Đặng Thị E'' nêu và định đoạt như sau:

[6.1] Bất động sản thứ nhất: Nhà số 179 đường I, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng diện tích đất được sử dụng là 82m<sup>2</sup>, tài sản trên đất là nhà 01 tầng; đã được Sở Xây dựng phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất bằng khoán 72 Lạch Tray A số 2321.CNSH ngày 19/3/1992. Ngày 17/3/2004, Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã xác nhận nội dung thay đổi, theo đó phần diện tích còn lại sau khi trích bán theo Hợp đồng mua bán nhà ở lập ngày 29/11/2003 là 57m<sup>2</sup>.

[6.2] Bất động sản thứ hai: Nhà số 179B đường Y, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng, diện tích 20,2m<sup>2</sup>. Ngôi nhà này được sử dụng ổn định từ năm 1988, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[6.3] Theo di chúc, cụ E'' định đoạt các tài sản nêu trên như sau: Đối với bất động sản thứ nhất: Tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng riêng của cụ E'' tại bất động sản nêu trên và phân di sản mà cụ E'' được hưởng từ chồng là cụ Phạm Văn D'' sẽ để lại cho cháu là ông Phạm Văn B. Phần sở hữu/sử dụng riêng của cụ Phạm Văn D'' đối với bất động sản này sẽ được chia theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp các đồng thừa kế thỏa thuận cho ông B được nhận toàn bộ bất động sản thì ông B có nghĩa vụ trả cho các đồng thừa kế còn lại số tiền tương ứng với phần giá trị di sản mà các đồng thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật. Đối với bất động sản thứ hai tại địa chỉ số 179B đường Y, phường I, cụ E'' định đoạt: Khi cụ E'' qua đời, ngôi nhà này sẽ do ông B quản lý. Số tiền có được từ việc chuyển nhượng bất động sản này, sẽ được phân chia cho cháu Phạm Quốc H được nhận số tiền: 400.000.000 đồng; vợ chồng ông Ngọc được nhận số tiền: 100.000.000 đồng; bà Phạm Thị D' được nhận số tiền 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị X được nhận số tiền 200.000.000

đồng; bà Nguyễn Thị P được nhận số tiền 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn U được nhận số tiền: 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn V được nhận số tiền 20.000.000 đồng, bà T (vợ ông Nguyễn Văn Q) được nhận số tiền 30.000.000 đồng; bà Phạm Thị I' (vợ chú Sướng) được nhận số tiền: 10.000.000 đồng; bà L' (vợ ông M') được nhận số tiền: 10.000.000 đồng. Ủng hộ cho các tổ chức: Đình E', Kiến Thụy: 30.000.000 đồng; Chùa E', Kiến Thụy: 10.000.000 đồng; Bên ngoài Nhà thờ Q': 30.000.000 đồng; Nhà thờ T': 20.000.000 đồng; Nhà thờ V': 5.000.000 đồng; Ủy ban nhân dân phường I, quận A: 15.000.000 đồng; Hội người cao tuổi phường I, quận A: 10.000.000 đồng. Trong trường hợp số tiền chuyển nhượng bất động sản nêu trên không đủ để phân chia theo ý nguyện của cụ E'' thì ông Phạm Văn B có nghĩa vụ bù vào số tiền còn thiếu.

[7] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và Di chúc do cụ Đặng Thị E'' lập ngày 04/02/2017 thì nguồn gốc và hiện trạng 02 tài sản nhà và đất tại số 179 đường I và số 179B đường Y, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng xác định được như sau:

[7.1] *Tài sản thứ nhất:* Nhà, đất tại số 179 (số cũ 173) phố Hàng Kênh, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng nằm trên một phần thửa đất H-2-77, mang bằng khoán 72 Lạch Tray A, chủ sở hữu là cụ Đặng Đình P'' và cụ Phạm Thị Q''. Ngày 21/5/1992 cụ Phạm Thị Q'' và các đồng thừa kế của cụ Đặng Đình P'' đã lập giấy chuyển nhượng cho cụ Phạm Văn D'' và vợ là cụ Đặng Thị E''. Ngày 24/6/1992, Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất, hồ sơ gốc số 2321 CNSH, bằng khoán 72 lạch Tray A, địa chỉ số nhà 179 đường I, phố Hàng Kênh, quận A, số địa chính: H-2-77, diện tích đất được sử dụng là 82m<sup>2</sup>, trên đất có nhà 01 tầng, nhà tắm, nhà vệ sinh thuộc quyền sở hữu của cụ Phạm Văn D'' và vợ là cụ Đặng Thị E''. Tại phần ghi chú của “Phần điều chỉnh lại hiện trạng, diện tích cấu trúc nhà đất đã thay đổi do Phòng Quản lý và Phát triển nhà Sở xây dựng có nội dung: “Phần diện tích đất còn lại sau khi trích bán theo hợp đồng mua bán nhà ở lập ngày 29/12/2003 là: 57m<sup>2</sup>”. Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, bản đồ lập năm 2002 do Ủy ban nhân dân phường I, quận A cung cấp thì hiện tại nhà số 179 đường I được tách thành 03 thửa đất như sau: Nhà số 179 đường I; địa chỉ thửa đất số 664, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng: đất thổ cư, tên chủ sử dụng đất là Phạm Văn D''; nhà số 179B thửa đất số 701, tờ bản đồ số 06, diện tích 20,2m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất thổ cư, tên chủ sử dụng đất là Đặng Thị O''; nhà số 179C Hàng Kênh, quận A; địa chỉ thửa đất số 702, tờ bản đồ địa chính số: 06, diện tích 29,1m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất thổ cư, đứng tên chủ sử dụng là Vũ Duy R'' (hiện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Bùi Trọng S'' và bà Nguyễn Thị Thu T'' diện tích được cấp giấy chứng nhận là 25m<sup>2</sup>).

[7.2] *Tài sản thứ hai:*

[7.2.1] Nguồn gốc nhà số 179B đường Y, quận A, thành phố Hải Phòng: Nhà số 179B đường Y, phường I, quận A có diện tích 20,2m<sup>2</sup>. Ngôi nhà này chưa được cơ

quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở. Nhà số 179B đường Y nêu tại Di chúc do cụ Đặng Thị E'' lập ngày 04/02/2017 chính là một phần diện tích nằm trong diện tích đất 57m<sup>2</sup> của nhà số 179 đường I, quận A thuộc bằng khoán số 72 đã được cụ D'', cụ E'' đổi cho cụ Đặng Thị O'' để lấy phần diện tích 30,6m<sup>2</sup> thuộc bằng khoán số 73 cụ O'' được thừa kế của bố mẹ đẻ là cố K'' và cố L'' (diện tích đất 30,6m<sup>2</sup> thuộc bằng khoán 73 nằm liền kề phía sau thửa đất thuộc bằng khoán số 72- nay là thửa đất số 664).

[7.2.2] Căn cứ vào Giấy chứng thực thừa kế lập tháng 3 năm 1976 có xác nhận của Ban đại diện hành chính; Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai ngày 18/11/1983 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường I và lời khai của bà Nguyễn Thị P – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định được: Năm 1983, dưới sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân phường I, cụ O'', cụ E'' và ông U (đại diện cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ N'') đã thống nhất phân chia di sản thừa kế của bố mẹ là cố K'' và cố L'' để lại là diện tích đất 91,8m<sup>2</sup> thuộc sổ địa chính H-2-76, bằng khoán số 73, địa chỉ số nhà 105 (79) ngõ 163 đường I, Lê Chân, Hải Phòng, mỗi người được 30,6m<sup>2</sup>. Phần diện tích đất 91,8m<sup>2</sup> thuộc bằng khoán số 73 nằm liền kề ngay phía sau diện tích đất 57m<sup>2</sup> thuộc bằng khoán số 72 của cụ D'' và cụ E''. Đến năm 1985, cụ O'' và cụ E'', cụ D'' đã thống nhất đổi một phần diện tích đất là 20,2m<sup>2</sup> nằm trong diện tích đất 57m<sup>2</sup> của nhà số 179 đường I thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ D'' và cụ E'' cho cụ O'' sử dụng – chính là nhà số 179B đường Y; còn cụ D'', cụ E'' được quyền sử dụng diện tích đất 30,6m<sup>2</sup> thuộc bằng khoán số 73 là phần di sản cụ O'' được hưởng thừa kế của bố mẹ đẻ cụ O''. Do có việc đổi đất này nên diện tích đất còn lại của nhà số 179 đường I, bằng khoán số 72 thuộc quyền sử dụng của cụ E'', cụ D'' chỉ còn 32,5m<sup>2</sup>. Nhưng bù vào thì cụ E'', cụ D'' được quyền sử dụng thêm 61,2m<sup>2</sup> thuộc bằng khoán số 73 (bao gồm phần di sản thừa kế mà cụ E'' và cụ O'' được hưởng của bố mẹ đẻ là cố K'' và cố L'').

[7.2.3] Mặc dù không có tài liệu, chứng cứ về việc cụ D'', cụ E'' và cụ O'' thỏa thuận đổi đất cho nhau. Nhưng căn cứ vào lời khai của bà P, ông U, bà N, anh H; Giấy chứng thực thừa kế lập tháng 3 năm 1976; Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai ngày 18/11/1983 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường I; Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân phường I, quận A và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 2002 có cơ sở để xác định nhà số 179B đường Y thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Đặng Thị O'', không còn thuộc quyền sử dụng của cụ D'', cụ E''. Đồng thời cũng có căn cứ để xác định cụ E'' được quyền sử dụng tài sản là nhà, đất tại số 179B đường Y do cụ E'' được hưởng thừa kế của chị gái là cụ Đặng Thị O''. Năm 2007, cụ O'' chết, không để lại di chúc. Các đương sự xác nhận cụ O'' không có chồng con nên theo quy định của pháp luật tại thời điểm mở thừa kế thì hàng thừa kế thứ hai là các anh chị em của cụ O'' bao gồm: Cụ M'', cụ N'' và cụ E''. Trong số những người này, tại thời điểm mở thừa kế thì chỉ còn cụ E'' là còn sống nên cụ E'' được hưởng di sản thừa của cụ O'' để lại là nhà, đất tại số 179B đường Y. Thời điểm này cụ D'' cũng đã chết nên có cơ sở xác định nhà số 179B đường Y là tài sản thuộc

quyền sở hữu của cụ E'' – Điều 674, Điều 675, điểm b khoản 1 Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bản án sơ thẩm xác định do cụ N'' đã chết nên các con của cụ N'' được hưởng thừa kế thế vị di sản của cụ O'' để lại là không đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng và kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này, sửa bản án sơ thẩm xác định chỉ có cụ Đặng Thị E'' là người được hưởng di sản thừa kế của cụ Đặng Thị O'' là nhà và đất tại số 179B đường Y - khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ngoài ra, ngày 28/7/2007, cụ Đặng Thị E'' còn chuyển nhượng tiếp 04m<sup>2</sup> đất của nhà số 179 đường I cho anh Nguyễn Văn Kính sinh sống tại số nhà 177B Hàng Kênh, Lê Chân (liền kề với nhà số 179 đường I). Do đó, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2019 thì hiện trạng đất, nhà số 179 đường I có tổng diện tích là 78,3m<sup>2</sup>, diện tích đất này nằm trên 02 bằng bằng khoán: Bằng khoán số 72 có diện tích 32,5m<sup>2</sup>; bằng khoán số 73 có diện tích 45,8m<sup>2</sup>. Nhà số 179 đường I được Viện quy hoạch thành phố Hải Phòng cấp phép xây dựng ngày 08/3/2000 cho cụ Phạm Văn D'' và vợ Đặng Thị E''. Diện tích xây dựng 71,0m<sup>2</sup>: Nhà khung bê tông cốt thép; xây theo kiến trúc lệch tầng (phía trước xây 03 tầng có diện tích xây dựng 46,5m<sup>2</sup>; phía sau 04 tầng có diện tích xây dựng 24,5m<sup>2</sup>). Hiện trạng đất, nhà số 179B có diện tích là 19,6m<sup>2</sup>. Theo lời khai của bà N và căn cứ vào Giấy phép xây dựng cấp cho cụ D'', cụ E'' thì nhà số 179B đường Y được xây dựng cùng thời điểm với nhà số 179 đường I, diện tích xây dựng 19,6m<sup>2</sup>, nhà một tầng cấp 4, mái lợp tôn.

[9] Xét tính hợp pháp của Di chúc: Di chúc do cụ Đặng Thị E'' lập ngày 04/02/2017 - trước thời điểm cụ E'' chết hơn 06 tháng. Về hình thức di chúc được lập bằng văn bản, được Văn phòng Công chứng H'' chứng thực về sự tự nguyện của cụ E'' khi lập di chúc, tại thời điểm lập di chúc cụ E'' có năng lực hành vi dân sự, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép, mục đích, nội dung của di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ E'' đã đọc toàn bộ di chúc, đồng ý với toàn bộ nội dung di chúc, đã ký vào từng trang và điểm chỉ vào di chúc trước mặt công chứng viên của Văn phòng Công chứng H''. Tại bản Kết luận giám định số 105/KLGD-PC09 ngày 12/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận: Chữ ký, chữ viết “ E, Đặng Thị E'' ” và chữ viết có nội dung “*nội dung di chúc như trên phù hợp với ý nguyện của tôi*” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Thị E'' trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, Di chúc do cụ E'' lập ngày 04/02/2017 là đúng với ý nguyện của cụ E'', phù hợp với quy định tại Điều 609, Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

[10] Theo Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐG ngày 14/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận A thì: Giá trị quyền sử dụng đất thực tế theo giá thị trường của nhà số 179 đường I và nhà số 179B đường Y là 66.470.000 đồng/m<sup>2</sup>. Giá trị còn lại của nhà và vật kiến trúc trên thửa đất tại địa chỉ số 179

đường I là: 809.620.000 đồng; giá trị còn lại của nhà và vật kiến trúc trên thửa đất tại địa chỉ số 179B đường Y là 61.770.000 đồng.

[11] Tại Kết luận giám định số 01/KLGD(ĐV) ngày 11/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng về dấu vân tay của cụ Đặng Thị E'' in tại mục “NGƯỜI LẬP DI CHỨC” trên bản di chúc lập ngày 04/02/2017, số công chứng 0208, quyển số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD được lưu giữ tại Văn phòng Công chứng H'' (nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc Hùng) không đủ yếu tố giám định do dấu vân tay tại mục “NGƯỜI LẬP DI CHỨC” các đường vân có màu đen, mờ nhòe không thể hiện rõ đặc điểm chung và ít các đặc điểm riêng.

[12] Từ phân tích tại mục [5] đến mục [11] có cơ sở để xác định:

[12.1] Di chúc do cụ E'' lập ngày 04/02/2017 có số công chứng: 0208.NQH/2017.DC quyển số: 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng H'' thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, nội dung của di chúc chưa định đoạt hết phần tài sản thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp của cụ D'' và cụ E'' nên những phần tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cụ E'' đã được cụ E'' định đoạt trong di chúc, ông B được hưởng thừa kế theo di chúc. Còn những phần tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu hợp pháp của cụ E'' mà cụ E'' chưa định đoạt và phần tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của cụ D'' sẽ được giao cho người được hưởng thừa kế của cụ D'', cụ E'' theo pháp luật. Cụ thể: Hiện tại nhà số 179 đường I bao gồm cả diện tích tại bằng khoán số 72 và phần diện tích tại bằng khoán số 73. Di chúc lập ngày 04/02/2017, cụ E'' chưa định đoạt phần diện tích đất 45,8m<sup>2</sup> tại bằng khoán số 73 nên phần diện tích đất này anh H là người thừa kế theo pháp luật của cụ D'', cụ E'' được hưởng. Đối với phần diện tích đất của nhà số 179 đường I thuộc bằng khoán số 72, đo thực tế 32,5m<sup>2</sup> là tài sản chung của cụ E'' và cụ D''. Cụ E'' đã định đoạt trong di chúc, ông B được hưởng ¾ giá trị phần di sản thừa kế của cụ E'' trong khối tài sản chung của cụ E'' và cụ D''; còn ¼ là phần di sản thừa kế của cụ D'' trong khối tài sản chung của cụ E'' và cụ D'' anh Phạm Quốc H được hưởng theo quy định của pháp luật - Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677, khoản 3 Điều 689, Điều 733 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 609, Điều 613 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do người quản lý di sản thừa kế là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngăn cản nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được; việc đánh giá di sản thừa kế của cụ D'' và cụ E'' để lại chỉ căn cứ vào nội dung của di chúc nên có phần không đúng với hiện trạng thực tế và chưa chính xác, vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn - anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà N sửa bản án sơ thẩm (khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự); không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày và kháng cáo của bà P.

[12.2] Hiện trạng thực tế của nhà số 179 đường I như sau: Diện tích đất xây dựng 71,0m<sup>2</sup>, là nhà khung bê tông cốt thép; xây theo kiến trúc lệch tầng (phía trước

xây 03 tầng có diện tích xây dựng  $46,5\text{m}^2$ ; phía sau 04 tầng có diện tích xây dựng  $24,5\text{m}^2$ ). Nhà số 179 đường I được xây dựng trên hai bằng khoán số 72 và 73. Trên bằng khoán số 72 diện tích là  $32,5\text{m}^2$ , bao gồm các điểm: 1,1a,1e,6,13,1d,1. Trên bằng khoán 73 diện tích  $45,8\text{m}^2$ , bao gồm các điểm: 1a,1b,2,3,4,5,6,1e,1a. Mặt bằng tầng 2 và tầng 3 (phía trước) được xây đua trên cả phần diện tích đất ngõ đi là  $12,0\text{m}^2$ , bao gồm các điểm: 1d,1e,1c, 6a,6,13,1d. Nếu ngăn chia nhà số 179 đường I thành hai phần: Phần A và Phần B căn cứ theo phần di sản mà ông B được hưởng theo di chúc sẽ không phù hợp với kiến trúc thực tế của nhà số 179 đường I. Song Tòa án cũng không thể buộc các bên phải chuyển nhượng phần tài sản mà họ được hưởng cho nhau vì là đây là quyền tự định đoạt của các đương sự, chỉ các đương sự mới có thể thỏa thuận với nhau về việc này. Do đó, để tránh phá vỡ kiến trúc của nhà số 179 đường I và sau khi ngăn chia vẫn sử dụng được thì cần ngăn chia theo hiện trạng thực tế của nhà số 179 đường I. Cụ thể: Ngăn chia nhà số 179 đường I thành 02 phần: Phần A và Phần B. Phần A (phía trước) được tính từ mép vỉa hè mốc 1,1d đến mốc 1b,1c,6a. Phần B (phía sau) được tính từ mốc 1b,1c,6a đến hết ranh giới đất. Sau khi Tòa án phân chia, trong quá trình thi hành án nếu thấy việc sử dụng phần tài sản đã được Tòa án phân chia không thuận tiện thì các đương sự có thể tự thỏa thuận chuyển nhượng cho nhau.

[12.2.1] Phần A: Diện tích mặt bằng tầng 1 của Phần A là  $23,3\text{m}^2$ , trong đó diện tích tại bằng khoán số 72 là  $21,8\text{m}^2$ , bao gồm các điểm: 1,1a,1e,1d,1; diện tích tại bằng khoán 73 là  $1,5\text{m}^2$ , bao gồm các điểm 1a,1b,1c,1e,1a. Mặt bằng tầng 2 và tầng 3 có tổng diện tích sàn là:  $70,6\text{m}^2$  bao gồm các điểm: 1,1a,1b,1c,6a,6,13,1d,1. Tổng diện tích sàn của Phần A =  $23,3\text{m}^2$  (mặt bằng tầng 1) +  $70,6\text{m}^2$  (mặt sàn tầng 2,3) =  $93,9\text{m}^2$ .

[12.2.2] Phần B: Diện tích mặt bằng tầng 1 của Phần B là  $35,7\text{m}^2$ , toàn bộ diện tích này nằm trên bằng khoán số 73, bao gồm các điểm: 1b,1c,6a,5,4b,4a, 2a,2,1b,1c,6a. Mặt bằng tầng 2, tầng 3 và tầng 4 có tổng diện tích sàn là:  $107,1\text{m}^2$ . Diện tích sân:  $5,6\text{m}^2$ . Tổng diện tích sàn của Phần B:  $142,8\text{m}^2$ . Phần diện tích trên bằng khoán 73 chưa xây công trình là  $1,7\text{m}^2$ , bao gồm các điểm: 2a,4a,4,3,2a.

[12.2.3] Ông B được quyền sử dụng diện tích đất và quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất thuộc bằng khoán số 72 và số 73 tương ứng với mô tả tại Phần A. Anh H được quyền sử dụng diện tích đất và quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất thuộc bằng khoán 73 tương ứng với mô tả tại Phần B.

[12.3] Về ngõ đi: Hiện tại, nhà số 179 có ngõ đi nên giữ nguyên ngõ đi này làm ngõ đi chung cho ông B và anh H. Cụ thể: Ngõ đi chung: Diện tích là  $12,0\text{m}^2$  bao gồm các điểm: 1d,1e,1c,6a,6,13,1d. Trong đó diện tích nằm trên bằng khoán số 72 là:  $10,7\text{m}^2$ , bao gồm các điểm: 1d,1e,6,13,1d; diện tích nằm trên bằng khoán số 73 là  $1,3\text{m}^2$ , bao gồm các điểm: 1e,1c, 6a,6,1e.

[12.4] Do kiến trúc ngôi nhà từ tầng 2 đã xây đua ra khoảng không của toàn bộ diện tích ngõ đi chung. Ông B được chia phần diện tích nhà gồm tầng 1, tầng 2, tầng 3



(phía trước), được sử dụng phần diện tích xây dựng đưa ra ngõ đi chung của tầng 2 và tầng 3, vì vậy để đảm bảo sự công bằng thì cần buộc ông B phải chịu 2 phần diện tích đất để làm ngõ đi chung là  $08m^2$ , còn anh H phải chịu một phần diện tích ngõ đi chung là  $04m^2$ . Ngõ đi chung diện tích  $12,0m^2$ , đã chiếm phần diện tích đất của ông B được hưởng theo di chúc là  $10,7m^2$  thuộc bằng khoán 72; còn  $1,3m^2$  thuộc bằng khoán 73 được chia cho anh H. Chênh lệch phần diện tích đất ông B phải bỏ ra làm ngõ đi chung so với phần diện tích đất ông B phải chịu là  $10,7m^2 - 08m^2 = 2,7m^2$ . Tuy nhiên, do ông B được sử dụng thêm  $1,5m^2$  thuộc bằng khoán 73 nên đối trừ hai diện tích này với nhau thì diện tích ông B đã bỏ ra làm ngõ đi chung nhiều hơn so với nghĩa vụ ông B phải chịu là  $1,2m^2$ . Phần diện tích đất này cần tính thành giá trị để khấu trừ cho ông B khi thực hiện nghĩa vụ hoàn trả giá trị di sản thừa kế cho anh H được hưởng đối với diện tích đất  $32,5m^2$  và tài sản trên diện tích đất này của nhà số 179 đường I thuộc bằng khoán số 72.

[12.5] Đối với nhà, đất số 179B đường Y như đã phân tích là tài sản cụ E'' được hưởng thừa kế của cụ O'' nên thuộc quyền sở hữu của cụ E'' và cụ E'' đã định đoạt trong di chúc có hiệu lực pháp luật. Ông B được quyền sử dụng nhà, đất tại số 179B đường Y và có nghĩa vụ phải hoàn trả cho anh H số tiền 400.000.000 đồng mà cụ E'' đã định đoạt trong di chúc.

[12.6] Giá trị còn lại của nhà và vật kiến trúc trên thửa đất tại địa chỉ số 179 đường I, theo kết luận của Hội đồng định giá là: 809.620.000 đồng cần tính chia đều theo  $m^2$  xây dựng để phân chia cho ông B và anh H. Cụ thể: Tổng diện tích sàn xây dựng của Phần A là:  $93,9m^2$ ; tổng diện tích sàn xây dựng của Phần B là:  $142,8m^2$ ; tổng diện tích sàn của Phần A và Phần B là:  $236,7m^2$ . Như vậy mỗi  $m^2$  là:  $809.620.000 \text{ đồng} : 236,7m^2 = 3.420.447 \text{ đồng}$ . Phần giá trị vật kiến trúc của Phần A là:  $3.420.447 \text{ đồng} \times 93,9m^2 = 321.179.973 \text{ đồng}$ . Phần giá trị vật kiến trúc của Phần B là:  $488.440.027 \text{ đồng}$ .

[12.7] Như vậy, ông B có nghĩa vụ hoàn trả anh H  $\frac{1}{4}$  giá trị quyền sử dụng diện tích đất  $32,5m^2 \times 66.470.000 \text{ đồng}/m^2 = 2.160.275.000 : 4 = 540.068.750 \text{ đồng}$  và giá trị vật kiến trúc của Phần A là:  $321.179.973 \text{ đồng}$ . Tổng cộng:  $861.248.723 \text{ đồng}$  (1). Hoàn trả cho anh H số tiền 400.000.000 đồng mà cụ E'' đã định đoạt trong di chúc (2). Khấu trừ đi diện tích đất vượt quá nghĩa vụ ông B phải chịu để mở ngõ đi chung là:  $1,2m^2 \times 66.470.000 \text{ đồng}/m^2 = 79.764.000 \text{ đồng}$  (3). Như vậy ông B còn phải thanh toán cho anh H số tiền là:  $(1) + (2) - (3) = (861.248.723 \text{ đồng} + 400.000.000 \text{ đồng}) - 79.764.000 \text{ đồng} = 1.181.484.723 \text{ đồng}$ .

[12.8] Về chi phí ngăn chia nhà số 179 đường I, ông B và anh H đều phải chịu ngang nhau.

[12.9] Ngoài ra, ông B có nghĩa vụ chi trả cho những người đã được cụ E'' định đoạt trong di chúc đã nêu tại mục [6.3]. Tính đến nay, ông B đã thanh toán được cho bà Hà Thị T (vợ ông Phạm Văn Q) số tiền 30.000.000 đồng; Đình E', Kiên Thụy: 30.000.000 đồng; Bên ngoại Nhà thờ Q' số tiền 30.000.000 đồng; Nhà



thờ T': 20.000.000 đồng; Nhà thờ Y': 5.000.000 đồng; bà Phạm Thị D': 10.000.000 đồng; Chùa E', Kiến Thụy: 10.000.000 đồng; bà Phạm Thị I' (vợ chú Sướng): 10.000.000 đồng; Ủy ban nhân dân phường I: 15.000.000 đồng; Hội người cao tuổi phường I, quận A: 10.000.000 đồng; bà Lê Thị L' (vợ ông M'): 10.000.000 đồng; Nhà thờ V': 5.000.000 đồng. Hiện còn những người được chỉ định trong di chúc chưa nhận tiền của ông B bao gồm: anh Phạm Quốc H: 400.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn O: 100.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị X: 200.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị P: 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn U: 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn V (Nguyễn Kim V): 20.000.000 đồng. Đối với số tiền bà X và ông G'' được hưởng theo di chúc nhưng chưa xác định được địa chỉ. Khi xác định được địa chỉ của những người này thì ông B phải có nghĩa vụ chi trả cho họ.

[12.10] Bà Đoàn Thị N và anh Phạm Quốc H hiện đang quản lý, sử dụng nhà số 179 đường I. Ông Nguyễn Văn U và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P hiện đang quản lý, sử dụng nhà số 179B đường Y. Những người này phải có nghĩa vụ bàn giao phần diện tích đất và vật kiến trúc trên diện tích đất của nhà số 179 đường I và 179 B Hàng Kênh cho ông Phạm Văn B.

[13] Nhà số 179C cụ E'' đã chuyển nhượng cho người khác khi còn sống, có diện tích theo giấy chứng nhận được cấp 25m<sup>2</sup>, hiện trạng thực tế đo tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2019 diện tích là 30m<sup>2</sup>. Đối với diện tích đất này, các bên không có tranh chấp nên không đặt vấn đề giải quyết.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm:

[14.1] Ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông B – Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

[14.2] Anh Phạm Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H có đơn đề nghị miễn án phí và trình bày bị mắc bệnh Hemophili A, máu không đông bẩm sinh, là người khuyết tật được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, có Quyết định của Ủy ban nhân dân quận A số 437/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 về việc hưởng trợ cấp – trợ cấp cho anh Phạm Quốc H và có giấy xác nhận khuyết tật của Ủy ban nhân dân phường I. Anh H thuộc diện người khuyết tật nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh H – điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[14.3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác: Là những người được cụ E'' chỉ định trong di chúc được hưởng một số tiền nhất định và được cụ E'' ủng hộ một số tiền nhất định. Cụ E'' đã chỉ định ông B có nghĩa vụ hoàn trả tiền cho họ nên không buộc họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[14.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm nên ông Phạm Văn B, anh Phạm Quốc H, bà Đoàn Thị N, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh H, bà N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp – khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[16] Về chi phí giám định; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

[16.1] Bà Đoàn Thị N đã nộp số tiền giám định dấu vân tay của cụ E’’ và chữ ký, chữ viết của cụ E’’ là 6.550.000 đồng. Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà N là không có căn cứ nên bà N phải chịu chi phí này. Bà N đã nộp đủ chi phí giám định tại Biên lai thu tiền ngày 11/11/2019 và ngày 12/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng – Điều 160, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[16.2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà N tự nguyện chịu, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết - Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Phạm Văn B;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn – anh Phạm Quốc H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đoàn Thị N;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P.

Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677, khoản 3 Điều 689, Điều 733 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 609, Điều 613, Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 636, Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Phạm Văn B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đặng Thị E’’ theo Di chúc lập ngày 04/02/2017, số công chứng 0208, quyển số 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD.

1. Ông Phạm Văn B được quyền sử dụng diện tích đất và quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất thuộc bằng khoán số 72 và số 73 tương ứng với mô tả tại Phần A. Cụ thể: Phần A: (phía trước) được tính từ mép vỉa hè mốc 1,1d đến mốc 1b,1c. Diện tích mặt bằng tầng 1 của Phần A là  $23,3m^2$ , trong đó diện tích tại bằng khoán số 72 là  $21,8m^2$ , bao gồm các điểm: 1,1a,1e,1d,1; diện tích tại bằng khoán 73 là  $1,5m^2$ , bao gồm các điểm 1a,1b,1c,1e,1a. Mặt bằng tầng 2 và tầng 3 có tổng diện tích sàn là:  $70,6m^2$  bao gồm các điểm: 1,1a,1b,1c,6a,6,13,1d,1. Tổng diện tích sàn của Phần A =  $23,3m^2$  (mặt bằng tầng 1) +  $70,6m^2$  (mặt sàn tầng 2,3) =  $93,9m^2$ .

*(có sơ đồ kèm theo)*

2. Anh Phạm Quốc H được quyền sử dụng diện tích đất và quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất thuộc bằng khoán 73 tương ứng với mô tả tại Phần B. Cụ thể: Phần B (phía sau) được tính từ mốc: 1b,1c,6a đến hết ranh giới đất. Diện tích mặt bằng tầng 1 của Phần B là  $35,7m^2$ , toàn bộ diện tích này nằm trên bằng khoán số 73, bao gồm các điểm: 1b,1c,6a,5,4b,4a, 2a,2,1b,1c,6a. Mặt bằng tầng 2, tầng 3 và tầng 4 có tổng diện tích sàn là:  $107,1m^2$ . Diện tích sân:  $5,6m^2$ . Tổng diện tích sàn của Phần B:  $142,8m^2$ . Phần diện tích trên bằng khoán 73 chưa xây công trình là  $1,7m^2$ , bao gồm các điểm: 2a,4a,4,3,2a.

*(có sơ đồ kèm theo)*

3. Ông Phạm Văn B và anh Phạm Quốc H đều có quyền sử dụng ngõ đi chung có diện tích là  $12,0m^2$  bao gồm các mốc: 1d,1e,1c,6a,6,13,1d.

*(có sơ đồ kèm theo)*

4. Ông Phạm Văn B và anh Phạm Quốc H phải chịu chi phí ngăn chia nhà số 179 đường I, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng ngang nhau.

5. Ông Phạm Văn B có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Phạm Quốc H số tiền chênh lệch từ việc phân chia di sản thừa kế là: 1.181.484.723 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng).

6. Ông Phạm Văn B được sử dụng diện tích đất và quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất tại số 179B đường I, phường I, quận A, thành phố Hải Phòng, bao gồm các điểm: 13,12,7,6,13.

*(có sơ đồ kèm theo)*

7. Bà Đoàn Thị N và anh Phạm Quốc H, ông Nguyễn Văn U và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P bao gồm: Ông Đỗ Văn A', anh Đỗ Tuấn B', anh Đỗ Tuấn C' có nghĩa vụ bàn giao phần diện tích đất và vật kiến trúc trên diện tích đất của nhà số 179 đường I và nhà số 179 B đường I, phường I cho ông Phạm Văn B.

8. Ông B có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn O số tiền là 100.000.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị X 200.000.000 đồng; cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P (ông Đỗ Văn A', anh Đỗ Tuấn B', anh Đỗ Tuấn C') số tiền là 30.000.000 đồng; cho ông Nguyễn Văn U: 20.000.000 đồng, cho ông Nguyễn Kim V (Nguyễn Văn V): 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Phạm Quốc H, ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị X; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P (ông Đỗ Văn A', anh Đỗ Tuấn B', anh Đỗ Tuấn C'); ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Kim V (Nguyễn Văn V) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Phạm Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

9. Ông Phạm Văn B đã chi trả cho những người được chỉ định trong di chúc, cụ thể: bà Hà Thị T (vợ ông Nguyễn Văn Q) số tiền 30.000.000 đồng; Đình E', Kiến Thụy: 30.000.000 đồng; Bên ngoài Nhà thờ Q' số tiền 30.000.000 đồng; Nhà thờ T': 20.000.000 đồng; Nhà thờ Y': 5.000.000 đồng; bà Phạm Thị D': 10.000.000 đồng; Chùa E', Kiến Thụy: 10.000.000 đồng; bà Phạm Thị I' (vợ chú Sướng): 10.000.000 đồng; Ủy ban nhân dân phường I: 15.000.000 đồng; Hội người cao tuổi phường I, quận A: 10.000.000 đồng; bà Lê Thị L' (vợ ông M'): 10.000.000 đồng; Nhà thờ V': 5.000.000 đồng.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn B và anh Phạm Quốc H.

- Bà Đoàn Thị N, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P (ông Đỗ Văn A', anh Đỗ Tuấn B', anh Đỗ Tuấn C'), ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Kim V (Nguyễn Văn V) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

11. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phạm Văn B không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

- Anh Phạm Quốc H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại anh Phạm Quốc H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 13182 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng.

- Bà Đoàn Thị N không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại bà Đoàn Thị N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 13181 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng.

- Bà Nguyễn Thị P không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị P (ông Đỗ Văn A', anh Đỗ Tuấn B', anh Đỗ Tuấn C') số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 13180 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng.

12. Về chi phí giám định; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

- Bà Đoàn Thị N phải chịu chi phí giám định. Bà Đoàn Thị N đã nộp đủ.

- Bà Đoàn Thị N tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Bà Đoàn Thị N đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận A, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận A, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương**